

Bản án số: 477/2019/KDTM-ST

Ngày: 31 - 5 - 2019

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3, TP. HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Xuân Mai
2. Ông Hoàng Văn Định

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Dương – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Phụng – Kiểm sát viên.

Vào ngày 31/5/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1062/2018/TLST-KDTM ngày 26 tháng 7 năm 2018 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2019/QĐST-KDTM ngày 16 tháng 4 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 76/2019/QĐST-KDTM ngày 10 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty Cổ phần A

Địa chỉ: 24B đường M, khu phố N, thị trấn P, huyện Q, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Hưng T, sinh năm 1974 và ông Lữ Chí C, sinh năm 1995 (Theo Giấy ủy quyền số 01/2018/VBUQ ngày 25/6/2018).

Bị đơn: Công ty Cổ phần B

Trụ sở: 72-74 đường X, Phường Y, Quận Z.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Trần Thị Thu H, sinh năm 1983; địa chỉ: 1/14 đường G, Phường Y, quận K, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Công ty Cổ phần A có ông Nguyễn Hưng T, và ông Lữ Chí C là người đại diện theo ủy quyền thống nhất trình bày: Ngày 14/07/2017 Công ty Cổ phần B sau đây gọi là Công ty B) có ký kết với Công ty Cổ phần A (Sau đây gọi là Công ty A) hợp đồng kinh tế số 091/2017/HĐKT, sau đó có ký các phụ lục hợp đồng số PL01-091/2017/ HĐKT ký ngày 20/07/2017 và phụ lục số PL02-091/2017/ HĐKT ký ngày 03/07/2017 về việc mua thép mạ kẽm; với thỏa thuận trong Hợp đồng trên, Công ty B có nghĩa vụ đặt cọc 20% tổng giá trị hợp đồng trong vòng 03 ngày sau khi ký Hợp đồng và phải thanh toán 80% số tiền hàng của từng đợt nhận hàng trong vòng 15 ngày sau khi nhận hàng (căn cứ theo phiếu giao hàng và hóa đơn VAT).

Thực hiện Hợp đồng, Công ty A đã giao đủ số lượng hàng hóa theo thỏa thuận. Tuy nhiên Công ty B đã không thanh toán đúng tiến độ với đúng số tiền đối với số lượng hàng hóa đã nhận được dù đã nhiều lần nhắc nhở và thỏa thuận. Công ty B cũng đã nhiều lần xin gia hạn thời hạn thanh toán, nhưng vẫn không thanh toán đúng hạn như đã xin.

Nay nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc Công ty Cổ phần Kim Long Tấn phải thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ cho Công ty Cổ phần Thép Top Pro là: 750.000.000 đồng và số tiền lãi chậm thanh toán theo thỏa thuận hợp đồng được tính từ ngày 09/11/2017 đến ngày 31/5/2019 là 426.000.000 đồng (Nợ gốc x số ngày chậm thanh toán x 0,1%/ngày) căn cứ theo Điều 5 mục 5.2 của hợp đồng số 091/2017/HĐKT ký ngày 14/07/2017. Tổng cộng số tiền Công ty Kim Long Tấn phải thanh toán là: 1.176.000.000 đồng.

Bị đơn: Công ty Cổ phần B có bà Trần Thị Thu H đại diện theo pháp luật (vắng mặt).

Tại phiên tòa: Nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu như nội dung khởi kiện. Bị đơn Công ty Cổ phần B vắng mặt.

- Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh: Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành đầy đủ, đảm bảo thủ tục tố tụng; tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng khác đã tuân thủ đúng qui định của pháp luật tố tụng dân sự; các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án và thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn Công ty Cổ phần A khởi kiện yêu cầu giải quyết tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa đối với bị đơn là Công ty Cổ phần B. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật tố tụng dân sự, đây là tranh chấp phát

sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn Công ty B có trụ sở tại Quận 3; Do đó, căn cứ quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án Tòa án nhân dân Quận 3 đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, đồng thời triệu tập bị đơn đến tòa án để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia phiên tòa nhưng phía bị đơn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án và dành quyền kháng cáo cho bị đơn theo luật định.

[2] Về nội dung vụ án và yêu cầu của các đương sự:

Căn cứ Hợp đồng số 091/2017/HĐKT ký ngày 14/07/2017 và Phụ lục hợp đồng số PL01-091/2017/ HĐKT ký ngày 20/07/2017 và phụ lục số PL02-091/2017/ HĐKT ký ngày 03/07/2017 giữa Công ty Cổ phần A và Công ty Cổ phần B thể hiện: Công ty B mua thép mạ kẽm của Công ty A; theo đó Công ty B có nghĩa vụ đặt cọc 20% tổng giá trị hợp đồng trong vòng 03 ngày sau khi ký Hợp đồng và phải thanh toán 80% số tiền hàng của từng đợt nhận hàng trong vòng 15 ngày sau khi nhận hàng (căn cứ theo phiếu giao hàng và hóa đơn VAT). Thực hiện hợp đồng trên, Công ty A đã giao đủ hàng nhưng phía Công ty B còn nợ lại số tiền gốc là 750.000.000 đồng.

Xét Căn cứ Công văn số 05/2018-KLT ngày 16/3/2018 Công ty B xác nhận còn nợ nguyên đơn số tiền gốc là 999.999.999 đồng, tuy nhiên ngày 19/3/2018 Công ty B đã thanh toán cho nguyên đơn số tiền 249.999.999 đồng. Nay Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc còn lại là 750.000.000 đồng là có căn cứ được chấp nhận.

Về yêu cầu phạt vi phạm hợp đồng: Căn cứ theo quy định tại điều 5, mục 5.2 của Hợp đồng số 091/2017/HĐKT ngày 14/7/2017 giữa Công ty Cổ phần A và Công ty Cổ phần B có quy định: “nếu bên B thanh toán chậm trễ thì coi như bên B vi phạm hợp đồng và chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho bên A theo mức phạt cụ thể như sau: bên B sẽ bị phạt 0.1%/tổng giá trị hợp đồng cho 01 (một) ngày thanh toán chậm trễ” và thời gian chậm trễ không được vượt quá 10 ngày....”. Như vậy, căn cứ theo quy định trên thì việc nguyên đơn yêu cầu số tiền phạt vi phạm hợp đồng là 426.000.000 đồng (tính từ ngày 09/11/2017 đến ngày 31/5/2017, với mức lãi suất 0.10%/ngày). Xét việc nguyên đơn yêu cầu phạt vi phạm hợp đồng là phù hợp với quy định tại Điều 301 của Luật thương mại năm 2005 nên có cơ sở được chấp nhận.

Từ những căn cứ và nhận định nêu trên, xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn thanh toán số nợ gốc còn lại là: 750.000.000 đồng; Lãi chậm thanh toán là 426.000.000 đồng (được tính đến ngày 09/11/2017 đến ngày 31/5/2019) là có cơ sở nên được chấp nhận.

[3] Về án phí:

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 203, Điều 220, khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự;

- Căn cứ các Điều 24, Điều 50, Điều 301, Điều 306 của Luật Thương mại năm 2005;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Công ty Cổ phần A.

Công ty Cổ phần B có trách nhiệm trả cho Công ty Cổ phần A tổng số tiền nợ gốc và lãi còn thiếu tính đến ngày 31/5/2019 là 1.176.000.000 đồng (Một tỷ một trăm bảy mươi sáu ngàn đồng). Gồm nợ gốc: 750.000.000 đồng (bảy trăm năm mươi triệu đồng), nợ lãi suất chậm thanh toán là: 426.000.000 đồng (Bốn trăm hai mươi sáu ngàn đồng). Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015

2. Về án phí: Công ty Cổ phần B phải nộp án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 47.280.000 đồng (Bốn mươi bảy triệu hai trăm tám mươi ngàn đồng). Hoàn trả cho Công ty Cổ phần A số tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp là 19.815.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0021049 ngày 26/7/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 3.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự;

Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND Quận 3;
- CCTHADS Quận 3;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hoa

